

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP
NGHỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
(*ỨNG DỤNG PHẦN MỀM*)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 537/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 30/07/2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, Đại học Thái Nguyên)*

Tên ngành, nghề: Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)

Mã ngành, nghề: 5480202

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy, tích lũy tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 2,0 năm. Trong đó:

(*) Đối tượng là học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương:

- Thời gian học tập: 1,5 năm
- Thời gian thực tập trải nghiệm: 0,5 năm.

(*) Đối tượng là học sinh tốt nghiệp THCS:

- Thời gian học tập chuyên môn: 1,5 năm
- Thời gian học văn hóa: Theo chương trình qui định của Bộ GDĐT (*bổ trí xen kẽ trong thời gian học chuyên môn*).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo kỹ thuật viên công nghệ thông tin trình độ trung cấp có kiến thức cơ bản về lĩnh vực công nghệ thông tin, có kỹ năng chuyên môn, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, có ý thức rèn luyện, tổ chức kỷ luật tốt, có tác phong công nghiệp, có khả năng thích ứng với sự phát triển của công nghệ và môi trường công việc để đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:

- + Nắm vững các kiến thức cơ sở ngành
- + Hiểu được cấu trúc máy tính, các mạch cấu tạo, các thành phần bên trong máy tính
- + Hiểu được thông số kỹ thuật của các thành phần trong máy tính
- + Nắm vững được cấu trúc, nguyên lý vận hành của mạng nội bộ; quản trị hệ thống mạng các doanh nghiệp.
- + Đánh giá được các sự cố thường gặp trong quá trình vận hành các thiết bị

để đưa ra giải pháp xử lý.

+ Biết thiết kế giao diện website, quản trị nội dung website

- Kỹ năng:

+ Xây dựng phần mềm hoàn thiện

+ Thiết kế web tĩnh, web động và quản trị website

+ Sử dụng thành thạo phần mềm xử lý ảnh và thiết kế đồ họa cơ bản và nâng cao

+ Biết cài đặt các phần mềm thông dụng, cài đặt hệ điều hành và các phần mềm chuyên dụng khác.

+ Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Luôn chấp hành các nội quy, qui chế của nơi làm việc;

+ Có trách nhiệm, thái độ học tập chuyên cần và cầu tiến;

+ Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý;

+ Tuân thủ quy định về an toàn lao động

+ Có trách nhiệm với công việc được giao

+ Luôn nâng cao tay nghề, rèn luyện ý thức kỷ luật tốt.

- Chính trị, đạo đức:

+ Biết, hiểu và thực hiện trong thực tế cuộc sống những kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật trong thể chế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Biết, hiểu và thực hiện được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Luôn chấp hành các nội quy, qui chế của nơi làm việc;

+ Có trách nhiệm, thái độ học tập chuyên cần và cầu tiến;

+ Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý;

- Thể chất và quốc phòng:

+ Có sức khỏe, thường xuyên rèn luyện sức khỏe để hoàn thành tốt các công việc;

+ Có nhận thức đúng về đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện tốt trách nhiệm của bản thân về lao động quốc phòng;

+ Có khả năng tuyên truyền, giải thích về trách nhiệm của công dân đối với nền quốc phòng của đất nước.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Làm công việc văn phòng, nhân viên phòng nhân sự, phòng đào tạo
- Thiết kế giao diện website, quản trị nội dung website cho các doanh nghiệp
- Cài đặt và sửa chữa máy tính, điện thoại thông minh
- Thiết kế đồ họa, thiết kế quảng cáo;
- Quản lý phòng Internet;
- Thiết kế hệ thống mạng và quản trị hệ thống mạng
- Kỹ thuật viên tin học trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức doanh nghiệp
- Kỹ thuật viên kiểm thử phần mềm tại các công ty giải pháp phần mềm

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 22
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 62 tín chỉ - 1.475 giờ
- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 245 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1230 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 442 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 952 giờ.

3. Nội dung chương trình:

TT	Mã MH/ MĐ	Tên môn học, modun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
					Tổng số	Trong đó		
						Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
I		Các môn học chung						
1	POL121	Giáo dục chính trị -1	Lý thuyết	2	30	28	0	2
2	LAW111	Pháp luật	Lý thuyết	1	15	14	0	1
3	PHE111	Giáo dục thể chất	Thực hành	1	30	0	29	1
4	MIE121	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Thực hành	2	45	15	28	2
5	GIF111	Tin học	Thực hành	2	45	15	29	1
6	ENG131	Tiếng Anh -1	Lý thuyết	4	80	40	36	4
		Tổng (I)		12	245	112	122	11
II		Các môn học, mô đun chuyên môn						
II.1		Môn học, mô đun sơ sở						
7	DAT231	Cơ sở dữ liệu	Lý thuyết	3	60	30	26	4
8	NET231	Mạng máy tính	Thực hành	3	60	30	26	4

9	BPR231	Lập trình căn bản	Thực hành	3	60	30	26	4
10	EIE221	Thực tập trải nghiệm tại DN	Thực hành	2	90	0	90	0
		Tổng (II.1)		11	270	90	168	12
II.2		Môn học, mô đun chuyên môn ngành nghề						
11	SUS231	Cài đặt và sử dụng phần mềm văn phòng thông dụng	Thực hành	4	90	30	54	6
12	MSD331	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Tích hợp	3	75	15	55	5
13	PRJ331	Lập trình hướng đối tượng	Tích hợp	3	75	15	55	5
14	SMT341	Bảo trì hệ thống máy tính	Tích hợp	4	90	30	54	6
15	GAP331	Đồ họa ứng dụng 1	Thực hành	3	75	15	55	5
16	NAS341	Quản trị hệ thống mạng máy tính	Tích hợp	4	90	30	54	6
17	DWE331	Thiết kế Web	Tích hợp	3	75	15	55	5
18	DMU331	Thiết kế đa phương tiện	Thực hành	3	75	15	55	5
19	EAD331	Excel nâng cao	Thực hành	3	60	30	26	4
20	GAC331	Đồ họa ứng dụng 2	Tích hợp	3	75	15	55	5
21	PRC331	Lập trình điều khiển tự động	Tích hợp	4	90	30	54	6
22	FGI321	Thực tập tốt nghiệp cuối khóa	Thực hành	2	90	0	90	0
		Tổng (II.2)		39	960	240	662	58
		Tổng (II)		50	1230	330	830	70
		Tổng cộng		62	1475	442	952	81

Ghi chú:

- Tỷ lệ giờ thực hành/tổng số giờ: 65,8%.

- Tổng số giờ thực hành, thực tập thực tế: (gồm giờ thực hành MH, MĐ và giờ thực tập trải nghiệm): 1.601 giờ. (Trong đó: Giờ thực tập trải nghiệm và thực tập tốt nghiệp = 800 giờ).

- Quy định về thời lượng:

+) 1 tín chỉ = (15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học) hoặc (30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận +15 giờ tự học) hoặc (45 giờ thực tập cơ sở, làm tiểu luận, đồ án, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp...).

+) 1 giờ học lý lý thuyết = 45 phút; 1 giờ học thực hành/tích hợp = 60 phút.

- Bố trí giờ thực hành của các MH, MĐ chuyên môn nghề:

+) Lớp ≤ 15 sinh viên: Bố trí 40% thực hành tại trường; 60% thực hành tại các doanh nghiệp.

+) Lớp >15 sinh viên: Thực hành tại trường (nếu có sự thay đổi địa điểm, Nhà trường sẽ có lịch thông báo cụ thể).

- Đối với đối tượng đầu vào là học sinh tốt nghiệp THCS: Học sinh không phải đi thực tập MH/MĐ và thực tập tốt nghiệp – trải nghiệm ngoài trường.

4. Phân kỳ chương trình đào tạo

PHÂN KỲ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP
NGÀNH NGHỀ: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (ỨNG DỤNG PHẦN MỀM)
(DÙNG CHO ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP THPT)

TT	Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			Phân theo học kỳ				
					Tổng số	Trong đó		HKI	HKII	HKIII	HKIV	
						LT	TH/ BT					KT
	I	Các môn học chung/đại cương										
1	POL121	Giáo dục chính trị -1	Lý thuyết	2	30	28	0	2	30			
2	LAW111	Pháp luật	Lý thuyết	1	15	14	0	1	15			
3	PHE111	Giáo dục thể chất	Thực hành	1	30	0	29	1		30		
4	MIE121	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Thực hành	2	45	15	28	2			45	
5	GIF111	Tin học	Thực hành	2	45	15	29	1	45			
6	ENG131	Tiếng Anh - 1	Tích hợp	4	80	40	36	4		80		
		Tổng (I)		12	245	112	122	11	90	110	45	0
	II	Các môn học, mô đun chuyên môn										
	II.1	Môn học, mô đun cơ sở										
7	DAT231	Cơ sở dữ liệu	Lý thuyết	3	60	30	26	4		60		
8	NET231	Mạng máy tính	Thực hành	3	60	30	26	4	60			
9	BPR231	Lập trình căn bản	Thực hành	3	60	30	26	4		60		
10	INT221	Thực tập trải nghiệm tại DN	Thực hành	2	90	0	90	0	90			
		Tổng (II.1)		11	270	90	168	12	150	120	0	0

	II.2	Môn học, mô đun chuyên môn										
11	SUS231	Cài đặt và sử dụng phần mềm VP thông dụng	Thực hành	3	75	15	55	5		75		
12	MSD331	Hệ QT CSDL	Tích hợp	3	75	15	55	5		75		
13	PRJ331	Lập trình HDT	Tích hợp	3	75	15	55	5		75		
14	SMT341	Bảo trì hệ thống	Tích hợp	4	90	30	54	6			90	
15	GAP331	Đồ họa ứng dụng 1	Thực hành	3	75	15	55	5			75	
16	NAS341	Quản trị hệ thống mạng máy tính	Tích hợp	4	90	30	54	6			90	
17	DWE331	Thiết kế Web	Tích hợp	3	75	15	55	5			75	
18	DMU331	Thiết kế đa phương tiện	Thực hành	3	75	15	55	5			75	
19	EAD331	Excel nâng cao	Thực hành	4	90	30	54	6				90
20	GAC331	Đồ họa ứng dụng 2	Tích hợp	3	75	15	55	5				75
21	PRC331	Lập trình điều khiển	Tích hợp	4	90	30	54	6				75
22	INT321	Thực tập tốt nghiệp cuối khóa	Thực hành	2	90	0	90	0				90
	Tổng (II.2)			39	975	225	691	59	0	225	405	330
	Tổng (II)			50	1245	315	859	71	150	345	405	330
	Tổng cộng			62	1490	427	981	82	240	455	450	330

PHÂN KỲ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP
NGÀNH NGHỀ: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (ỨNG DỤNG PHẦN MỀM)
(DÙNG CHO ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP THCS)

TT	Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			Phân theo học kỳ				
					Tổng số	Trong đó		HKI	HKII	HKIII	HKIV	
						LT	TH/ BT					KT
	I	Các môn học chung										
1	POL121	Giáo dục chính trị -1	Lý thuyết	2	30	28	0	2	30			
2	LAW111	Pháp luật	Lý thuyết	1	15	14	0	1	15			
3	PHE111	Giáo dục thể chất	Thực hành	1	30	0	29	1		30		
4	MIE121	Giáo dục QP - An ninh	Thực hành	2	45	15	28	2			45	
5	GIF111	Tin học	Thực hành	2	45	15	29	1	45			
6	ENG131	Tiếng Anh -1	Lý thuyết	4	80	40	36	4		80		
		Tổng (I)		12	245	112	122	11	90	110	45	0
	II	Các môn học, mô đun chuyên môn										
	II.1	Môn học, mô đun cơ sở										
7	DAT231	Cơ sở dữ liệu	Lý thuyết	3	60	30	26	4	60			
8	NET231	Mạng máy tính	Thực hành	3	60	30	26	4	60			
9	BPR231	Lập trình căn bản	Thực hành	3	60	30	26	4	60			
		Tổng (II.1)		9	180	90	78	12	180	0	0	0

	II.2	Môn học, mô đun chuyên nghề										
10	SUS231	Cài đặt và sử dụng phần mềm văn phòng thông dụng	Thực hành	3	75	15	55	5	75			
11	MSD331	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Tích hợp	3	75	15	55	5		75		
12	PRJ331	Lập trình hướng đối tượng	Tích hợp	3	75	15	55	5		75		
13	SMT341	Bảo trì hệ thống	Tích hợp	4	90	30	54	6		90		
14	GAP331	Đồ họa ứng dụng 1	Thực hành	3	60	15	41	4			60	
15	NAS341	Quản trị hệ thống mạng máy tính	Tích hợp	4	90	30	54	6			90	
16	DWE331	Thiết kế Web	Tích hợp	3	75	15	55	5			75	
17	DMU331	Thiết kế đa phương tiện	Thực hành	3	75	15	55	5				75
18	EAD331	Excel nâng cao	Thực hành	4	90	30	54	6				90
19	GAC331	Đồ họa ứng dụng 2	Tích hợp	3	75	15	55	5				75
20	PRC331	Lập trình điều khiển & Tự động	Tích hợp	4	75	15	55	5				75
		Tổng (II.2)		37	855	210	588	57	75	240	225	315
		Tổng (II)		46	1035	300	666	69	225	240	225	315
		Tổng cộng		58	1280	412	788	80	345	331	298	315

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

Phương thức tổ chức đào tạo: Chương trình đào tạo của nghề trung cấp Công nghệ thông tin (*Ứng dụng phần mềm*) được thực hiện theo phương thức Tích lũy tín chỉ.

5.1. Các môn học chung

Các môn học chung (06 môn) được thực hiện theo quy định bắt buộc của Bộ LĐTBXH về chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học.

5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Nhà trường bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;
- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

5.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

Việc tổ chức thi, kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun và được thực hiện theo quy định trong Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (*gọi tắt là Thông tư 09*) và Quyết định số 235/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 18/05/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc ban hành Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ và kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (*gọi tắt là Quyết định 235*).

5.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Việc tổ chức xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định trong Thông tư 09 và Quyết định 235.

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp của ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Ngô Xuân Hoàng